ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 17 /2014/QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 24 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định một số cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005; Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực

giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND ngày 10/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt một số cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 226/TTr-SKHĐT ngày 24/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định một số cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020".

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan triển khai hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quy định về chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa và thể thao sử dụng đất đô thị, đất ở trên địa bàn tỉnh Thái Bình được quy định tại Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND ngày 19/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất đô thị, đất ở trên địa bàn tỉnh Thái Bình; các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trước đây có nội dung trái với quy định tại Quyết định này thì bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, YT, VHTT&DL GD&ĐT, LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: VX, TH, NNTNMT, MCLT;
- Lưu VT, KHTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình đến năm 2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2014/QĐ-UBND ngày 24 /9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Lĩnh vực xã hội hóa được khuyến khích bao gồm: Giáo dục - đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực xã hội hóa.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

Sau đây gọi tắt là các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Thái Bình không thuộc đối tượng áp dụng tại Quy định này.

Điều 2. Điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải phù hợp quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa tại Điều 2 Quy định này.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

3. Các chính sách ưu đãi, khuyến khích cơ sở thực hiện xã hội hóa được thực hiện theo phương thức hỗ trợ sau đầu tư, sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

4. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ngừng hoạt động, phải giải thể thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp và quy định giải thể từng lĩnh vực.

Chương II
NỘI DUNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

Điều 4. Cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thuê có thời hạn quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh và nhà nước.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đầu tư cơ sở cho thuê hoặc bố trí không đủ thì Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để có nguồn vốn thực hiện đầu tư xây dựng. Số tiền thuê ứng trước được quy đổi ra số năm, số tháng đã trả tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa.

3. Giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng được ưu đãi giảm so với mức giá thuê phổ biến trên thị trường tại thời điểm ký hợp đồng như sau:

a) Giảm 10% mức giá thuê nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê nhà, cơ sở hạ tầng tại địa bàn đô thị.

b) Giảm 15% mức giá thuê nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê nhà, cơ sở hạ tầng không thuộc địa bàn đô thị.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đã trả hoặc ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa được tiếp tục đầu tư hoàn thiện dự án theo đúng quy hoạch mặt bằng và thiết kế đã được phê duyệt; được hạch toán phần tiền thuê (đã trả hoặc đã ứng trước) vào chi phí dự án theo quy định; được tính phần giá trị đầu tư thêm (nếu có) vào vốn đầu tư của dự án và được dùng phần tài sản đầu tư thêm này làm tài sản thế chấp để vay vốn.

5. Góp vốn, liên doanh, liên kết thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa: Khi có nhu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với nhà đầu tư việc sử dụng số tiền cho thuê cơ sở hạ tầng và công trình xã hội hóa hoặc giá trị tài sản đã đầu tư trên đất để góp vốn, liên doanh, liên kết với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

6. Khi hết thời hạn thuê, góp vốn hoặc việc thuê, góp vốn tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều này chấm dứt trước hạn theo quy định của pháp luật, thì cơ sở thực hiện xã hội hóa tiến hành chuyển giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh toàn bộ cơ sở hạ tầng và công trình kiến trúc trên đất.

Điều 5. Cho thuê đất không thuộc đất tại các đô thị

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không cân đối được ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê thì cơ sở thực hiện xã hội hóa chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được phê duyệt và khoản chi phí này được tính vào vốn đầu tư của dự án.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất thuê; không được thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuê đối với đất được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê theo hình thức cho thuê đất, miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê. Trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích thì bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và những khoản cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được ưu đãi.

Điều 6. Cho thuê đất tại các đô thị

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất và miễn, giảm tiền thuê đất.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không cân đối được ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê:

a) Nếu thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này;

b) Nếu thuộc đối tượng được miễn, giảm một phần thì cơ sở thực hiện xã hội hóa chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được phê duyệt và khoản chi phí này được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp (trường hợp trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê) hoặc được quy đổi ra số năm, tháng nộp tiền thuê đất (trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm) nhưng không vượt quá tiền thuê đất phải nộp hoặc thời gian phải nộp tiền thuê đất của dự án. Số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

3. Chế độ miễn, giảm tiền thuê đất:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Bình được hưởng các chế độ miễn, giảm tiền thuê đất như sau:

a) Đối với các dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục: Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

b) Đối với các dự án thuộc lĩnh vực dạy nghề, văn hóa, thể dục thể thao:

- Đầu tư tại địa bàn huyện Thái Thụy, huyện Tiền Hải: Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

- Đầu tư tại địa bàn các huyện còn lại và các xã thuộc thành phố Thái Bình: Giảm 70% tiền thuê đất phải nộp.

- Đầu tư tại địa bàn phường thuộc thành phố Thái Bình: Giảm 50% tiền thuê đất phải nộp.

c) Trường hợp địa điểm thực hiện dự án xã hội hóa thuộc địa giới hành chính của hai hoặc nhiều địa phương khác nhau thì áp dụng miễn, giảm tiền thuê đất theo địa phương có diện tích đất lớn nhất.

Điều 7. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và dự án xã hội hóa

1. Trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để thực hiện dự án đầu tư công trình xã hội hóa:

a) Nếu phải chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thì nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất và miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này. Trường hợp nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê thì số tiền đã trả để nhận quyền sử dụng đất được tính vào chi phí đầu tư của dự án; Trường hợp chỉ được miễn tiền thuê đất cho một số năm thì số tiền đã trả để nhận quyền sử dụng đất được tính là khoản tiền thuê đất trả trước để được thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Nếu không phải chuyển mục đích sử dụng đất, thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào tài sản của dự án đầu tư và được phân bổ vào chi phí để thu hồi vốn đầu tư.

2. Chuyển nhượng dự án xã hội hóa:

Trường hợp nhà đầu tư vì lý do khách quan không thể tiếp tục thực hiện dự án trên đất đã được thuê, cơ sở thực hiện xã hội hoá được chuyển nhượng dự án xã

hội hóa nếu được Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương. Người nhận chuyển nhượng phải đảm bảo tiếp tục thực hiện dự án xã hội hóa theo đúng mục tiêu và mục đích sử dụng đất của dự án.

Điều 8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

2. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau phải tổ chức hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động xã hội hóa để được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều này.

3. Miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa tại địa bàn huyện Thái Thụy, Tiền Hải.

Miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa tại địa bàn thành phố Thái Bình và các huyện còn lại.

Điều 9. Lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn lệ phí trước bạ nhà, đất theo quy định của pháp luật đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà phục vụ cho các hoạt động này.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trình tự, thủ tục hồ sơ thụ hưởng chính sách

Trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết thủ tục hưởng chính sách ưu đãi, khuyến khích xã hội hóa được thực hiện theo Quy định về thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong hoạt động đầu tư tại tỉnh Thái Bình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành đơn vị có liên quan tổ chức triển khai Quy định này;

b) Xây dựng định hướng xã hội hóa trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ cho các ngành, các đơn vị triển khai nhiệm vụ;

c) Lập báo cáo thẩm định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và dự thảo Quyết định hỗ trợ ưu đãi đầu tư đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí nguồn vốn hỗ trợ đầu tư;

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức giám sát và đánh giá đầu tư theo Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ; tham mưu, đề xuất thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và phần kinh phí đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh hỗ trợ đầu tư đối với các dự án thực hiện không đúng quy định của nhà nước và của tỉnh.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì xác định đơn giá thuê nhà, cơ sở hạ tầng cho từng dự án đầu tư của các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan tham mưu cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ đầu tư hằng năm;

c) Tham gia ý kiến về mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

d) Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc tham gia xác định phần kinh phí đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh hỗ trợ đầu tư phải hoàn trả đối với các dự án đầu tư thực hiện không đúng quy định của nhà nước và của tỉnh;

đ) Tổ chức cấp phát, thanh toán nguồn kinh phí hỗ trợ ưu đãi đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Xây dựng

a) Hằng năm rà soát, tổng hợp quỹ nhà, cơ sở hạ tầng do tỉnh quản lý; chủ trì tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về quỹ nhà, cơ sở hạ tầng cho thuê;

b) Chủ trì tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê nhà, cơ sở hạ tầng;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan rà soát, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương để bổ sung quỹ đất thực hiện xã hội hóa các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, dạy nghề và văn hóa thể thao hằng năm.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu phát triển của các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa;

b) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường theo quy định hiện hành của nhà nước. Hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện việc lập hồ sơ địa chính, xác định mức giá thuê đất và ký hợp đồng thuê đất đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cho thuê đất của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

c) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, môi trường đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa; xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

5. Cục Thuế tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở chuyên ngành về xã hội hóa kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của từng lĩnh vực xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quy định; Giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện, tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia ý kiến về mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

c) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký, kê khai thuế, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo thẩm quyền.

6. Chi cục Hải quan Thái Bình

Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa trong việc kê khai, thủ tục miễn giảm thuế xuất nhập khẩu.

7. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Chủ trì việc giải ngân nguồn kinh phí khuyến khích, hỗ trợ đầu tư đối với cơ

sở thực hiện xã hội hóa theo đúng quy định của Luật Ngân sách và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch ngành, quy hoạch mạng lưới các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý trong từng giai đoạn;

b) Phối hợp hướng dẫn, triển khai chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý và tiêu chí, quy mô, điều kiện thành lập các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

c) Phối hợp với cơ quan Thuế xác nhận các cơ sở xã hội hóa đáp ứng tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

9. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình và các cơ quan truyền thông tập trung tuyên truyền chủ trương, quan điểm, kết quả thực hiện cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh.

10. Các sở, ban, ngành khác và các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này.

11. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

a) Tham gia với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tạo quỹ đất thực hiện xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, dạy nghề, văn hóa và thể dục thể thao. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan xây dựng phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, dạy nghề và văn hóa thể thao trên địa bàn huyện, thành phố.

12. Cơ sở thực hiện xã hội hóa

a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về đất đai;

b) Tổ chức triển khai dự án đảm bảo đúng yêu cầu về tiến độ và nội dung đã đăng ký; chấp hành đầy đủ quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Trường hợp thực hiện chậm tiến độ, không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung đã đăng ký thì tùy theo mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét việc xử lý thu hồi đất, chấm dứt thực hiện, thu hồi khoản kinh phí đã hỗ trợ theo chính sách ưu đãi quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất mà được miễn tiền sử dụng đất hoặc được giảm tiền sử dụng đất và đã nộp phần tiền sử dụng đất không được giảm theo quy định của pháp luật về khuyến khích xã hội hóa trước ngày 01/8/2014 thì được tiếp tục sử dụng đất cho thời hạn sử dụng đất còn lại mà không phải chuyển sang thuê đất. Trường hợp chuyển sang thuê đất thì không phải nộp tiền thuê đất trong thời hạn đã được giao đất.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất, cho thuê đất đã được giải phóng mặt bằng và được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến trước

ngày 01/8/2014 mà Ủy ban nhân dân tỉnh không yêu cầu nộp tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì cơ sở thực hiện xã hội hóa không phải hoàn trả số tiền này.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
26/09/2014 15:42:03